

Số: 54 /QĐ-CKNS

Cẩm Giàng, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2024 của Trường THCS Nguyễn Huệ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 101 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 1996 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc thành lập Trường THCS Nguyễn Huệ.

Căn cứ quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc giao bổ sung kinh phí năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung kinh phí để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 của Trường THCS Nguyễn Huệ (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH nhà trường, bộ phận tài vụ và cán bộ viên chức, nhân viên thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu :VT, KT



Trần Văn Mạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 329/QĐ-UBND

Cẩm Giàng, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bổ sung kinh phí để thực hiện
cải cách tiền lương năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số: 2590/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số: 230 /TTr-TCKH ngày 15 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn cụ thể như sau:

1. Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm năm 2024: 53.756.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024: 53.756.000.000 đồng.

Trong đó:

- Nguồn kinh phí cải cách tiền lương đã có tại đơn vị: 17.469.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí ngân sách huyện bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm năm 2024 (Nguồn kinh phí thực hiện CCTL ngân sách huyện các năm chuyển nguồn sang năm 2024): 32.780.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm năm 2024 (Từ nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh năm 2024) cho các xã, thị trấn : 3.507.000.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Việc cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính hiện hành; Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH



Trần Văn Quyết

PHỤ LỤC

**NHU CẦU VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG TĂNG THÊM
NĂM 2024 KHỐI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC**

(Kèm theo Quyết định số: 223 / QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng).



ĐVT: 1.000 đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Nhu cầu kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Nguồn kinh phí để thực hiện CCTL năm 2024			Ghi chú
			Tổng cộng:	<i>Nguồn học phí để thực hiện cải cách tiền lương để lại đơn vị</i>	<i>Nguồn kinh phí ngân sách huyện bổ sung</i>	
A	B	I	2=3+4	3	4	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV):	39.472.960	39.472.960	10.057.000	29.415.960	
I	KHỐI THCS	12.394.300	12.394.300	5.097.000	7.297.300	
1	Cẩm Hưng	492.288	492.288	184.791	307.497	
2	Ngọc Liên	702.385	702.385	305.790	396.595	
3	Cẩm Giang	789.232	789.232	350.068	439.164	
4	Thạch Lỗi	359.537	359.537	118.044	241.493	
5	Lương Điền	816.439	816.439	367.155	449.284	
6	Định Sơn	756.674	756.674	241.316	515.358	
7	Cẩm Hoàng	688.277	688.277	212.955	475.322	
8	Cẩm Vũ	688.988	688.988	310.981	378.007	
9	Cẩm Văn	577.288	577.288	212.230	365.058	
10	Đức Chính	660.506	660.506	254.453	406.053	
11	Cao An	783.069	783.069	256.572	526.497	
12	Lai Cách	812.402	812.402	393.321	419.081	
13	Cẩm Đoài	438.534	438.534	160.046	278.488	
14	Cẩm Đông	624.742	624.742	302.536	322.206	
15	Tân Trường	1.052.818	1.052.818	510.778	542.040	
16	Cẩm Phúc	763.797	763.797	342.768	421.029	
17	Cẩm Điền	480.269	480.269	206.676	273.593	
18	Nguyễn Huệ	907.055	907.055	366.520	540.535	
II	KHỐI TIỂU HỌC	15.084.420	15.084.420	-	15.084.420	
1	Cẩm Hưng	580.327	580.327		580.327	
2	Ngọc Liên	729.956	729.956		729.956	
3	Cẩm Giang	828.976	828.976		828.976	
4	Thạch Lỗi	380.748	380.748		380.748	
5	Định Sơn	1.010.742	1.010.742		1.010.742	
6	Lương Điền	1.151.729	1.151.729		1.151.729	
7	Cẩm Hoàng	779.037	779.037		779.037	
8	Cẩm Vũ	776.276	776.276		776.276	
9	Cẩm Văn	882.380	882.380		882.380	
10	Đức Chính	725.422	725.422		725.422	